TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH KNAUF VIETNAM

TCCS 01:2024-KVN

TẤM THẠCH CAO

Hồ Chí Minh, Ngày 01 tháng 08 năm 2024

M.S.D.N: 0201308563 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
Q. HẢI AN - TP. HẢI PHÒNG

PHAN MINH

Giám đốc Thương mại

PHẦN 1 - KHÁI QUÁT

Tên công ty: CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đất CN 4.4A, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3915 1400

Email: info@knauf.com.vn

Tên tiêu chuẩn: TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT TẤM THẠCH CAO

Ký hiệu: TCCS 01:2024/KVN

Ngày ban hành: 01/08/2024

Lần soát xét: *09*

Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả các sản phẩm tấm thạch cao sử dụng làm trần và vách bên trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Sản phẩm tấm thạch cao được sản xuất, cung cấp bởi Công ty TNHH KNAUF VIỆT NAM

PHẦN 2 – YÊU CẦU KĨ THUẬT

2.1 NGUYÊN LIỆU

Thành phần: thạch cao, giấy và chất phụ gia.

2.2 KIỂU DÁNG

Dạng tấm hình chữ nhật bao gồm lõi thạch cao và lớp giấy phủ bề mặt (mặt trước và mặt sau). Thông tin và quy cách tấm được in trên gờ và mặt sau của tấm.

2.3 KÍCH THƯỚC VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM

Phương pháp thử:

Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Ghi chú
Chiều rộng	ASTM C 473-17	
Chiều dài	ASTM C 473-17	
Chiều dày	ASTM C 473-17	
Hợp chất lưu huỳnh dễ bay hơi S8	ASTM C471M-16a	
Cường độ chịu uốn	ASTM C 473-17	Bảo quản mẫu trước khi thử nghiệm: nhiệt độ (27 ± 2)°C và độ ẩm tương đối (65 ± 5)%.
Độ biến dạng ẩm	ASTM C 473-17	
Độ hút nước	ASTM C 473-17	
Khả năng chống cháy	Theo phương pháp Knauf	

Kích thước và các chỉ tiêu kỹ thuật của tấm thạch cao được qui định trong bảng dưới:

STT	Sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều dày (mm)	Hợp chất lưu huỳnh dễ bay hơi S8 (ppm)	Cường độ chịu uốn (N)		Độ biến dạng ẩm (mm)	Độ hút nước (%)	Khả năng chống cháy (phút)	
						Ngang	Dọc			Ngang	Dọc
1	Tấm tiêu chuẩn MINI 8	2420 (±6)	1210 (±2)	8.0 (±0.4)	≤ 10	≥ 276	≥ 93	≤ 48	-	-	-
2	Tấm tiêu chuẩn StandardShield 9mm	2420 (±6) 2440 (±6)	1210 (±2) 1220 (±2)	9.0 (±0.4)	≤ 10	≥ 322	≥ 109	≤ 48	-	-	-
3	Tấm tiêu chuẩn StandardShield 12.7mm	2440 (±6)	1220 (±2)	12.7 (±0.4)	≤ 10	≥ 476	≥ 160	≤ 32	-	-	-
4	Tấm tiêu chuẩn UltraLight 9mm	2420 (±6) 2440 (±6)	1210 (±2) 1220 (±2)	9.0 (±0.4)	≤ 10	≥ 322	≥ 109	≤ 48	-	-	-
5	Tấm chịu ẩm MoistShield 9mm	2420 (±6) 2440 (±6)	1210 (±2) 1220 (±2)	9.0 (±0.4)	≤ 10	≥ 322	≥ 109	≤ 10	≤ 5	-	-
6	Tấm chịu ẩm MoistShield 12.7mm	2420 (±6)	1220 (±2)	12.7 (±0.4)	≤ 10	≥ 476	≥ 160	≤ 10	≤ 5	-	-
7	Tấm chịu ẩm UltraMoist 9mm	2420 (±6) 2440 (±6)	1210 (±2) 1220 (±2)	9.0 (±0.4)	≤ 10	≥ 322	≥ 109	≤ 10	≤ 5	-	-
8	Tấm chống cháy FireShield 9.5mm	2440 (±6)	1090 (±2) 1220 (±2)	9.5 (±0.4)	≤ 10	≥ 343	≥ 116	≤ 48	-	≥ 6	≥ 4
9	Tấm chống cháy FireShield 12.7mm	2440 (±6)	1220 (±2)	12.7 (±0.4)	≤ 10	≥ 476	≥ 160	≤ 32	-	≥ 60	≥ 30
10	Tấm chống cháy FireShield 15.9mm	2440 (±6)	1220 (±2)	15.9 (±0.4)	≤ 10	≥ 654	≥ 205	≤ 16	-	≥ 60	≥ 60
11	Tấm tiêu chuẩn StandardShield 15.9mm	2440 (±6)	1220 (±2)	15.9 (±0.4)	≤ 10	≥ 654	≥ 205	≤ 16	-	-	-

Ghi chú: Chỉ tiêu khả năng chống cháy theo phương pháp Knauf kit

2.4 GHI NHÃN

Tuân thủ theo nghị định NĐ 43/2017/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hóa và các quy định nhà nước có liên quan, gồm:

- Tên và logo công ty
- Địa chỉ sản xuất
- Tên sản phẩm, số lô, ngày, tháng, năm sản xuất
- Kích thước danh nghĩa khi sản xuất
- Tiêu chuẩn áp dụng, hướng dẫn sử dụng
- Thành phần

2.5 VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN

Tấm thạch cao phải được bảo quản ở nơi khô ráo.

- Vận chuyển phải cẩn thận, đảm bảo tránh ướt, không được gây ra va chạm mạnh làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
- Tấm thạch cao phải được bảo quản, lưu trữ ở nơi khô ráo, có tường bao và mái che chắn chắn. Tấm được đặt trên nền phẳng có kê đế lót cao, thoáng mát, tránh nơi có: ẩm ướt, nhiệt độ cao, bụi và hóa chất